UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1573 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 30 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Cải tạo, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt xã Yên Thịnh, Yên Vượng, huyện Hữu Lũng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra đề nghị phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành số 450/BC-STC ngày 26/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1. Tên công trình: Cải tạo, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt xã Yên Thịnh, Yên Vượng, huyện Hữu Lũng.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

3. Địa điểm xây dựng: xã Yên Thịnh, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng.

4. Thời gian khởi công: tháng 6/2019; thời gian hoàn thành: tháng 02/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh được duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		**14.811.900.000**	**13.551.174.000**
1	Xây dựng	10.435.858.000	9.557.236.000

2	Thiết bị	1.811.040.000	1.800.000.000
3	Quản lý dự án	249.185.000	227.145.000
4	Tư vấn	1.499.535.000	1.466.146.000
5	Chi phí khác	546.273.000	500.647.000
6	Chi phí dự phòng	270.009.000	0

2. Vốn đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
	Tổng số	**14.811.900.000**	**13.551.174.000**	**13.279.072.000**	**274.619.000**	**2.517.000**
1	Vốn đầu tư công:	14.811.900.000	13.551.174.000	13.279.072.000	274.619.000	2.517.000
-	Vốn NSTW (Chương trình mở rộng quy mô VS và NSNT dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng thế giới (WB))	14.811.900.000	12.196.056.600	11.951.164.800	244.891.800	2.265.300
-	Vối đối ứng ngân sách tỉnh		1.355.117.400	1.327.907.200	27.210.200	251.700
2	Vốn khác	0	0	0	0	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư *Đơn vị tính: đồng*

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
1	2	3	4	5
Tổng số:			**13.551.174.000**	
1.Tài sản dài hạn (TSCĐ)			13.551.174.000	
2. Tài sản ngắn hạn			0	

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư.

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư là

Số TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng số		**13.551.174.000**	
1	Nguồn vốn đầu tư công :	13.551.174.000	
-	Vốn NSTW (Chương trình mở rộng quy mô VS và NSNT dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng thế giới (WB))	12.196.056.600	
-	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	1.355.117.400	
2	Nguồn vốn khác	0	

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- Tổng nợ phải thu: 2.517.000 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 274.619.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này).

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản

a) Được phép ghi tăng tài sản *Đơn vị tính: đồng*

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	Tổng tài sản tiếp nhận:	**13.551.174.000**	0
	Trong đó:		
1.1	UBND xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng	8.885.475.000	
1.2	UBND xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng	4.665.699.000	

b) Thực hiện ghi chép sổ sách kế toán, lưu trữ hồ sơ, quản lý, khai thác và bảo trì tài sản được giao theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện Hữu Lũng, Chủ tịch UBND các xã: Yên Thịnh, Yên Vượng huyện Hữu Lũng và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban: KT-NS, DT (HĐND tỉnh);
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh